TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN M'ĐRẮK** TỈNH ĐẮK LẮK	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2022/HS-ST
Ngày: 31 - 3 - 2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M'ĐRẮK, TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Võ Đức Hợi.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hợi; Bà Đặng Thị Bích Hồng.

Thư ký ghi biên bản phiên toà: Ông Phạm Xuân Quyết – Thư ký Tòa án nhân dân huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Khoa - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 03/2022/TLST-HS ngày 16 tháng 02 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2022/TLST-HS ngày 18 tháng 3 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Công L, sinh ngày 12/6/1994 tại tỉnh Đắk Lắk, nơi cư trú: Thôn E, xã K; huyện M, tỉnh Đắk Lắk, trình độ học vấn 10/12; nghề nghiệp: làm nông; Con ông Nguyễn Công H, sinh năm 1962, bà Nguyễn Thị L sinh năm 1962. Vợ là H B Mlô sinh năm 1993 (sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn); Bị cáo có một con sinh năm 2021.

Tiền sự: không; Tiền án: Bị cáo có 1 tiền án về tội trộm cắp tài sản, tại bản án số 418/2016/HSST ngày 14/11/2016 của Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xử phạt 3 năm 4 tháng tù về tội trộm cắp tài sản, đã chấp hành xong hình phạt tù, nhưng chưa bồi thường về trách nhiệm dân sự.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/9/ 2021 tại nhà tạm giữ Công an huyện M'Đrắk. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Minh K (tên gọi khác: T), sinh ngày 09/12/1993, tại tỉnh Đắk Lắk; Nơi cư trú: Thôn E, xã K, huyện M, tỉnh Đắk Lắk; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Trình độ học vấn: 0/12; Nghề nghiệp: Làm nông; Con ông Nguyễn Minh N, sinh năm 1964 (đã chết); con bà Phạm Thị T, sinh năm 1963;

Tiền sự: không; Tiền án: bị cáo có 2 tiền án về tội trộm cắp tài sản. Tại bản án số 50/2016/HS-ST ngày 30/10/2016 của Toà án nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk xử phạt 01 năm 04 tháng tù về tội trộm cắp tài sản; Tại bản án số: 12/2019/HS-ST ngày 24/5/2019 của Toà án nhân dân huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk xử phạt 02 năm 9 tháng tù về tội trộm cắp tài sản, ngày 27/4/2021 chấp hành xong án phạt tù, chưa được xoá án tích.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/9/2021 tại nhà tạm giữ Công an huyện M'Đrắk. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

*** Những người tham gia tố tụng khác:**

- *Bị hại:*

+ Vợ chồng ông Vũ Khắc L sinh năm 1955, bà Lê Thị Xuân T sinh năm 1975. Địa chỉ: Thôn B, xã K, huyện M, tỉnh Đắk Lắk. Ông L có mặt. Bà T vắng mặt.

+ Ông Trần Đăng N, sinh năm 1966. Địa chỉ: Buôn E, xã K, huyện M, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

+ Ông Nguyễn Đức L, sinh năm 1995. Địa chỉ: Thôn b, xã E, huyện M, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

+ Ông Trần Xuân Đ, sinh năm 1994. Địa chỉ: Thôn b, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1958. Địa chỉ: Thôn b, xã K, huyện M, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

+ Bà H' B Mlô, sinh năm 1993. Địa chỉ: Buôn E, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

+ Ông Lê Công H, sinh năm 1978. Địa chỉ: Tổ dân phố m, thị trấn E huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

+ Bà Vũ Thị Hồng V, sinh năm 1997. Địa chỉ: Thôn m, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

+ Bà Lê Thị D, sinh năm 2000. Địa chỉ: Buôn E, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

+ Ông Phùng Công V, sinh năm 1992. Địa chỉ: Tổ dân phố A, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Công L và Nguyễn Minh K là bạn bè. Tối ngày 10/9/2021 K đến nhà L tại thôn E, xã K huyện M'Đrắk chơi, đến khoảng 23 giờ L rủ K đi trộm cắp tài sản lấy tiền tiêu xài, thì K đồng ý. Sau đó K điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 47 M6-0250 chở L đi đến công ty Tam Phát, thuộc địa phận thôn 4, xã K, tắt máy dấu xe vào vườn mía. K đi vào dãy nhà thứ 2 nhìn qua cửa sổ thấy có 2 vợ chồng đang ngủ, K đi vào nhà qua cửa sổ, lấy được 2 chiếc điện thoại loại OPPO để trên giường ngủ và một ví da để trong túi quần đang treo trên đầu võng bên trong có 450.000 đồng, 02 tờ đô la có mệnh giá mỗi tờ 100 USD, 1 giấy Chứng minh nhân dân, 1 thẻ ATM và một số giấy tờ mang tên Vũ Khắc L. Sau khi được tài sản cả hai đi về nhà L, tại đây L đã tìm mở được mật khẩu của hai chiếc điện thoại vừa trộm được. Đến sáng ngày 11/9/2021 K lấy xe moto chở L đi lên thị trấn Ea Knốp, huyện Ea kar đến tiệm điện thoại "Ngọc Hoan" bán hai chiếc điện thoại được 5.900.000 đồng chia nhau tiêu xài, sau đó tiếp tục điều khiển xe moto đi sang thị trấn huyện Krông Năng chơi. Đến 16 giờ cùng ngày L và K đi về, khi đến ngã tư thị trấn thấy có cây ATM L bảo K dừng xe lại để L vào rút tiền trong thẻ ATM đã lấy được tối qua, L dò tìm mật khẩu của thẻ và lấy ngày tháng năm sinh trên giấy CMND của Vũ Khắc L để nhập mã pin thì mở được thẻ ATM nhưng do cây ATM bị hết tiền nên cả hai đi về đến xã Phú Xuân thấy có cây ATM bên lề đường L vào rút được 20.000.000 đồng rồi tiếp tục điều khiển xe đi về thị trấn Ea kar đến hai cây ATM để tiếp tục rút số tiền 35.000.000 đồng và lấy 10.000.000 đồng trong số tiền rút được nộp vào số tài khoản 101244342 của L, sau đó L lại tiếp tục chuyển số tiền 10.000.000 đồng này vào số tài khoản 0281000640124 của chị H' B Mlô. L tiếp tục chuyển tiền 16.000.000 đồng còn lại trong thẻ vào số tài khoản 1020530447 của chị Lê Thị Kiều Phương để nạp tiền chơi game. Khi trong thẻ chỉ còn lại số dư là 237.000 đồng thì không rút nữa mà đi về, trên đường đi L đã vứt thẻ ATM và giấy CMND Vũ Khắc L nhưng không nhớ địa điểm cụ thể. Tổng số tiền các lần rút, chuyển khoản qua thẻ trong ATM mà K và L trộm cắp được là 71.000.000 đồng.

Quá trình điều tra các bị cáo còn khai nhận ngoài vụ việc trộm cắp ngày 10/9/2021 thì trong thời gian từ ngày 08/9/2021 các bị cáo còn thực hiện 2 vụ trộm cắp cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 1 giờ ngày 10/8/2021 K điều khiển xe môtô biển kiểm soát 47 M6-0250 chở L đi đến công Ty Tam Phát, K đứng ngoài canh gác, còn L đi vào trong khu nhà ở của công nhân trộm cắp được một điện thoại di động hiệu Samsung J8 của anh Nguyễn Đức L và một điện thoại di động hiệu NOKIA màu đen cùng một ví của anh Trần Xuân Đ. Sau đó cả hai đi về, trên đường đi về cả hai cùng dừng xe kiểm tra trong ví không có tiền nên L vứt ví lại bên đường, rồi về nhà ngủ tiếp đến khoảng 16 giờ cùng ngày L và K đem chiếc điện thoại Samsung J8 trộm cắp bán được 700.000 đồng cho chị Lê Thị D là nhân viên tại cửa hàng

điện thoại di động Thiên L, do anh Bùi Danh S làm chủ. Đến ngày 13/10/2021 anh Sơn bán chiếc điện thoại Samsung J8 với giá 850.000 đồng cho một người khách không rõ nhân thân lai lịch nên không thu hồi được. Còn chiếc điện thoại Nokia màu đen L và K cho Phùng Công V, sau đó V đem chiếc điện thoại nói trên đi cầm tại tiệm cầm đồ "C" do ông Đàm Quang C làm chủ được số tiền 80.000 đồng, đến hẹn V không quay lại, nên ông C đã bán chiếc điện thoại nói trên được 200.000 đồng cho một người đàn ông không rõ nhân thân lai lịch, nên không thu hồi được.

Vụ thứ hai: Khoảng 1 giờ ngày 09/9/2021 L điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 47M6-0250 chở K đi xem ai sơ hở thì trộm cắp tài sản bán lấy tiền tiêu xài, khi đến buôn Ea Lai, xã Krông Jing L dừng xe lại canh gác, còn K đi vào nhà ông Trần Đăng N trộm cắp được một chiếc điện thoại di động hiệu Samsung M51 và 01 điện thoại NOKIA màu đen, rồi cả hai cùng điều khiển xe đi về nhà, trên đường đi kiểm tra chiếc điện thoại NOKIA không lên nguồn nên vứt chiếc điện thoại này bên đường, không nhớ rõ vị trí nên không truy tìm được, còn chiếc điện thoại Sam sung M51 L và K đến tiệm cầm đồ "V 59" bán cho chị Vũ Thị Hồng V trú tại thôn 14, xã E, huyện E được 4.000.000 đồng chị Vân mua chiếc điện thoại này để dùng một thời gian thì đánh rơi trên đường đi làm về nên không thu hồi được.

* Tại các bản kết luận định giá tài sản số 176/KL-HĐĐG ngày 17/9/2021 và kết luận định giá số 190, 191/KL-HĐĐG ngày 02/11/2021, kết luận số 202/KL-HĐĐG ngày 24/12/2021 của hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện M'Đrắk kết luận.

- 01 điện thoại di động hiệu OPPO loại Reno 3 của ông Vũ Khắc L có giá trị 6.547.000 đồng.

- 01 điện thoại di động hiệu OPPO loại Reno 2 của bà Lê Thị Xuân T có trị giá 5.359.0000 đồng.

- 01 điện thoại di động Samsung galaxy M51 của ông Trần Đăng N có giá trị 6.742.000 đồng.

- 01 điện thoại di động hiệu Nokia 210 của ông Trần Đăng N có giá trị 658.000 đồng.

- 01 điện thoại di động Samsung galaxy J8 của anh Nguyễn Đức L có giá trị 600.000 đồng

- 01 Điện thoại di động Nokia-1280 của anh Trần Xuân Đ có giá trị 120.000 đồng

- 01 ví da màu nâu của ông Vũ Khắc L có giá trị 100.000 đồng

+ Tại công văn số 215/NHNo MDR-KTNQ ngày 27/9/2021 xác định: tỷ giá đồng đô la mỹ vào ngày 11/9/2021 là 22.650 đồng. 200 USD của ông Vũ Khắc L giá trị 4.530.000 đồng

Tổng giá trị tài sản mà các bị cáo chiếm đoạt là 96.106.000 đồng.

* Vật chứng tạm giữ:

- 01 điện thoại di động hiệu OPPO loại Reno3.

- 01 điện thoại di động hiệu OPPO loại Reno 2F.

- 01 chiếc ví da màu nâu có in chữ "H" lõm vào trong.

- 01 Một chiếc xe môtô biển kiểm soát 47M6 - 0250 hiệu Yamaha số khung B9207Y019507, số máy 5B9201507.

- 01 chiếc điện thoại di động hiệu Vivo 1726 màu đen của Nguyễn Minh K.

- 01 điện thoại di động hiệu Nokia model TA1203 của Nguyễn Minh K

- 02 tờ đô la mỹ mỗi tờ có mệnh giá 100 USD có số seri ME50250597B và ME 50250598B.

- Số tiền 2.800.000 đồng của Nguyễn Minh K .

- Số tiền 237.000 đồng của Nguyễn Công L.

- Số tiền 2.000.000 đồng do chị H' B Mlô giao nộp.

* Tại bản cáo trạng số 03/CT-VKS ngày 14/02/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện M'Đrắk truy tố:

- Bị cáo Nguyễn Công L về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự

- Bị cáo Nguyễn Minh K về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm c, g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

* Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận toàn bộ nội dung vụ án như bản cáo trạng đã nêu. Do cần tiền tiêu xài nên trong thời gian từ tháng 8 đến tháng 9 năm 2021 các bị cáo đã thực hiện 3 vụ đột nhập vào nhà dân để lấy tài sản. Tài sản chiếm đoạt được gồm 6 chiếc điện thoại di động, 200USD, 1 thẻ ATM có 71.000.000 đồng trong tài khoản. Tổng cộng số tiền trộm cắp được là 96.106.000 đồng. Số tiền 71.000.000 đồng trong thẻ bị cáo L sử dụng 63.600.000 đồng, Bị cáo K được chia 6.500.000 đồng, hai bị cáo sử dụng chung 900.000 đồng.

* Quá trình điều tra, tại phiên tòa các bị hại trình bày:

- Vợ chồng ông Vũ Khắc L, Lê Thị Xuân T đã nhận lại 02 chiếc điện thoại di động hiệu OPPO Reno3 và Reno2, một ví da và 2 tờ đô la mỹ mệnh giá mỗi tờ 100USD.

- Ông Trần Đăng N yêu cầu bị cáo K, L phải trả 7.400.000 đồng tương đương với 2 chiếc điện thoại di động các bị cáo đã trộm theo bản kết luận định giá tài sản.

- Ông Trần Xuân Đ yêu cầu bị cáo K, L phải trả 120.000 đồng tương đương với chiếc điện thoại di động mà các bị cáo đã chiếm đoạt theo bản kết luận định giá tài sản.

- Ông Nguyễn Đức L không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường.

* Quá trình điều tra người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bà H' B Mlô, ông Lê Văn Hoan, bà Vũ Thị Hồng V, bà Lê Thị D, ông Phùng Công V đều không biết

nguồn gốc tiền, điện thoại các bị cáo chuyển, bán cho có nguồn gốc do hành vi trộm cắp tài sản mà có.

Bà Nguyễn Thị L không biết việc con bà Nguyễn Công L sử dụng xe mô tô BKS 47M6-0250 làm phương tiện thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Bà Liên đã nhận lại xe mô tô, không có yêu cầu gì..

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M'Đrắk giữ nguyên quyết định truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX): Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Công L và Nguyễn Minh K phạm tội: "Trộm cắp tài sản".

+ Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173 và điểm r, s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52 BLHS, xử phạt bị cáo Nguyễn Công L từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù.

+ Căn cứ điểm c, g khoản 2 Điều 173 và điểm b, r, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS, xử phạt bị cáo Nguyễn Minh K từ 03 năm đến 03 năm sáu tháng tù.

Đại diện VKS bổ sung: Trước khi mở phiên tòa và tại phiên tòa gia đình bị cáo K đã bồi thường cho các bị hại, bị cáo L sử dụng số tiền trộm cắp nhiều hơn bị cáo K nên HĐXX cân nhắc để giảm mức hình phạt cho bị cáo K.

+ Về vật chứng:

Áp dụng điểm a, b khoản 1 điểm b, khoản 2 điều 106 bộ luật TTHS, điểm b khoản 1 và khoản 2 điều 47 bộ luật tố tụng hình sự.

Chấp nhận việc cơ quan điều tra công an huyện M'Đrắk trả lại chiếc xe môtô mang biển kiểm soát 47M6-0250 cho bà Nguyễn Thị L là chủ sở hữu hợp pháp.

Chấp nhận việc cơ quan điều tra đã trả lại 02 chiếc điện thoại di động hiệu OPPO Reno3 và Reno2, một ví da và 2 tờ đô la mỹ mệnh giá mỗi tờ 100USD cho vợ chồng ông Vũ Khắc L bà Lê Thị Xuân T;

Tịch thu sung công quỹ nhà nước 1 điện thoại di động Vivo1726 màu đen, 1 điện thoại di động NOKIA model TA-1203 của Nguyễn Minh K;

Tịch thu sung công quỹ nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Realme 6 màu xanh của Nguyễn Công L.

Trả cho vợ chồng bị hại ông Vũ Khắc L, bà Lê Thị Xuân T số tiền 2.800.000 đồng thu được của Nguyễn Minh K. Số tiền 237.000 đồng thu được của Nguyễn Công L và 2.000.000 đồng chị H'Blônh tự nguyện giao nộp.

Tiếp tục phong tỏa tài khoản 101244342 với số tiền 2.439.360 đồng của Nguyễn Công L để đảm bảo thi hành án.

+ Về trách nhiệm dân sự: Buộc các bị cáo K và L phải trả lại số tiền 71.450.000 đồng cho gia đình người bị hại là ông L, bà T, sau khi đã trừ đi số tiền 5.037.000 đồng và số tiền bị cáo K đã bồi thường.

Buộc các bị cáo phải bồi thường 2 chiếc điện thoại di động với số tiền 7.400.000 đồng theo định giá tài sản cho ông Trần Đăng N, bồi thường số tiền giá trị chiếc điện thoại di động mà các bị cáo đã chiếm đoạt có trị giá 120.000 đồng cho ông Trần Xuân Đ. Riêng chiếc điện thoại Samsung J8 của anh Nguyễn Đức L, anh Luân không yêu cầu bồi thường nên không đề cập đến.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện M'Đrắk, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện huyện M'Đrắk, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung:

[2.1] Lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng khác và các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án. HĐXX có đủ cơ sở pháp lý kết luận:

Do cần tiền tiêu xài cá nhân, nên từ tháng 8 đến tháng 9 năm 2021 lợi dụng trời tối, sơ hở của các hộ dân, bị cáo Nguyễn Công L, Nguyễn Minh K đã cùng thực hiện 3 vụ trộm cắp tài sản, lấy trộm 6 chiếc điện thoại di động, 200 USD, 01 ví da, 71.000.000 đồng trong tài khoản thẻ ATM. Tổng số tiền các bị cáo đã chiếm đoạt là 96.106.000 đồng. Hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản", tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 BLHS.

Vì vậy Viện kiểm sát nhân dân huyện M'Đrắk truy tố các bị cáo về tội "Trộm cắp tài sản" là có căn cứ.

Tại khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự quy định:

"1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

"2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm

a) .....

c) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng

g) Tái phạm nguy hiểm."

Xét tính chất vụ án, mức độ cũng như hậu quả do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội. Các bị cáo biết rõ quyền sở hữu tài sản hợp pháp của bất kỳ tổ chức, cá nhân nào cũng đều được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi xâm phạm trái pháp luật đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác sẽ bị nghiêm trị. Nhưng với ý thức coi thường pháp luật, vì mục đích tư lợi cá nhân, các bị cáo đã chiếm đoạt tài sản của nhiều người. Hành vi của các bị cáo không chỉ xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, mà còn làm ảnh hưởng đến trật tự, an toàn xã hội. Nên cần cách ly các bị cáo ra ngoài đời sống xã hội một thời gian là cần thiết mới có tác dụng răn đe, phòng ngừa chung.

Trong vụ án có 02 bị cáo tham gia, các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội có sự trao đổi nhưng không có sự phân công rõ ràng. Do vậy, hành vi trộm cắp tài sản của các bị cáo chỉ mang tính chất đồng phạm giản đơn. Để cá thể hóa hình phạt và trách nhiệm dân sự, HĐXX cần xem xét tính chất, mức độ về hành vi phạm tội cũng như vai trò, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của các bị cáo để lượng hình cho phù hợp.

Bị cáo L là người khởi xướng, rủ rê bị cáo K thực hiện hành vi phạm tội. Phần lớn tài sản chiếm đoạt được đều do bị cáo L sử dụng. Sau khi phạm tội riêng bị cáo K đã tác động đến gia đình để bồi thường cho các bị hại, tại phiên tòa các bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo K. Vì vậy, mức hình phạt áp dụng đối với bị cáo L là cao hơn bị cáo K.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo L, K đều cùng thực hiện 3 vụ trộm cắp tài sản, nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "Phạm tội 02 lần trở lên" quy định tại điểm g khoản 1 điều 52 bộ luật hình sự. Bị cáo L chấp hành xong hình phạt tù về tội "Trộm cắp tài sản" của Bản án số 418/2016/HSST ngày 14/11/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, nhưng chưa bồi thường về mặt dân sự, nên chưa được xóa án tích mà tiếp tục phạm tội nên thuộc trường hợp tái phạm, đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo thật thà khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, quá trình điều tra tại cơ quan điều tra các bị cáo đã tự thú 2 vụ trộm cắp khác vào ngày 10/8/2021 và ngày 09/9/2021. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cần được áp dụng đối với các bị cáo được quy định tại các điểm r, s khoản 1 Điều 51 BLHS. Riêng bị cáo K đã tác động gia đình bồi thường cho bị hại, tại phiên tòa các bị hại xin giảm nhẹ trách

nhiệm hình sự cho bị cáo K, nên cần áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[2.2] Biện pháp tư pháp.

***** Về trách nhiệm dân sự:

- Buộc các bị cáo Nguyễn Minh K và Nguyễn Công L phải liên đới bồi thường số tiền 71.450.000 đồng cho gia đình bị hại là ông L, bà T, sau khi đã trừ đi số tiền 5.037.000 đồng (thu giữ của Nguyễn Minh K 2.800.000 đồng; thu giữ của Nguyễn Công L 237.000 đồng và 2.000.000 đồng chị H'Blônh MLô tự nguyện giao nộp) các bị cáo phải bồi thường số tiền còn lại là 66.413.000 đồng. Trong số tiền này, bị cáo K được chia 6.500.000đồng, hai bị cáo sử dụng để ăn uống chung là 900.000đồng, toàn bộ số tiền còn lại do bị cáo L sử dụng. Nên mỗi bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường tương ứng với số tiền chiếm đoạt của bị hại. Cụ thể bị cáo L phải bồi thường 59.513.000đồng, bị cáo K phải bồi thường 6.900.000đồng. Bị cáo K đã bồi thường 4.500.000đồng, còn phải tiếp tục bồi thường 2.400.000đồng

- Buộc các bị cáo phải liên đới bồi thường cho ông Trần Đăng N giá trị 2 chiếc điện thoại số tiền 7.400.000. Bị cáo K đã bồi thường 4.000.000đồng còn lại 3.400.000 đồng bị cáo L có nghĩa vụ bồi thường; Liên đới bồi thường cho ông Trần Xuân Đ số tiền giá trị chiếc điện thoại có giá trị 120.000 đồng, mỗi bị cáo 60.000đồng.

- Bị hại anh Nguyễn Đức L không yêu cầu bồi thường nên HĐXX không xem xét.

* Về vật chứng:

- Xe mô tô mang biển kiểm soát 47M6-0250 là tài sản hợp pháp của bà Nguyễn Thị L vì khi các bị cáo sử dụng làm phương tiện trộm cắp bà Liên không biết; 02 chiếc điện thoại di động hiệu OPPO Reno3 và Reno2, một ví da và 2 tờ đô la mỹ mệnh giá mỗi tờ 100 USD là tài sản hợp pháp của ông Vũ Khắc L bà Lê Thị Xuân T, Cơ quan Điều tra công an huyện M'Đrắk đã trả lại cho các chủ sở hợp pháp là phù hợp với quy định nên HĐXX không đề cập xử lý.

- Đối với 1 điện thoại di động Vivo 1726 màu đen, 1 điện thoại di động NOKIA model TA-1203 của Nguyễn Minh K, 01 điện thoại di động hiệu Realme 6 màu xanh của Nguyễn Công L không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần trả lại cho các bị cáo.

- Số tiền 2.800.000 đồng thu được của Nguyễn Minh K, số tiền 237.000 đồng thu được của Nguyễn Công L và 2.000.000 đồng chị H' B Mlô tự nguyện giao nộp, tổng cộng 5.037.000 đồng là số tiền do các bị cáo trộm cắp được mà có, nên trả lại cho bị hại vợ chồng ông Vũ Khắc L, bà Lê Thị Xuân T.

[2.3] Vấn đề khác:

+ Đối với hành vi chuyển tiền vào tài khoản 1020530447 mang tên Lê Thị Kiều Phương để chơi game qua mạng có dấu hiệu của tội đánh bạc, cơ quan điều tra xác minh chủ tài khoản 1020530447 đứng tên Lê Thị Kiều Phương, sinh năm 1991, HKTT, khóm 1 thị trấn M, huyện T, tỉnh Đ nhưng hiện nay P bỏ đi khỏi địa phương nên chưa có căn cứ để xử lý về tội đánh bạc đối với L và K, cơ quan điều tra đã tách ra và tiếp tục điều tra xác minh làm rõ khi nào đủ căn cứ sẽ làm rõ sau.

+ Bà H' B Mlô được bị cáo L chuyển cho 10.000.000 đồng, bà H' B Mlô không biết số tiền mà bị cáo L cho là do trộm cắp, nên không có căn cứ xử lý.

+ Đối với ông Lê văn H chủ cửa hàng điện thoại đã mua lại 02 chiếc điện thoại OPPO vào ngày 10/9/2021; Bà Vũ Thị Hồng V mua chiếc điện thoại Sam sung M51 vào ngày 09/9/2021; Bà Lê Thị D là người đã mua lại chiếc điện thoại Samsung J8 các vào ngày 10/8/2021. Khi mua điện thoại nói trên ông H, bà V và bà D không biết là tài sản do các bị cáo trộm cắp mà có nên không xử lý trách nhiệm hình sự về hành vi tiêu thụ tài sản do phạm tội mà có.

+ Đối với ông Phùng Công V được các bị cáo cho chiếc điện thoại NOKIA 1280 để sử dụng. Khi các bị cáo cho ông Vũ không biết nguồn gốc chiếc điện thoại là do các bị cáo trộm cắp mà có nên không đề cập xem xét sử lý.

[2.4] *Về án phí:* Các bị cáo bị HĐXX buộc tội và bồi thường thiệt hại, nên phải chịu tiền án phí HSST và tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về Tội danh và hình phạt:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Công L, Nguyễn Minh K phạm tội "Trộm cắp tài sản"

- Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; điểm r, s Khoản 1 Điều 51 BLHS; điểm g, h khoản 1 điều 52 BLHS:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Công L 03(ba) năm 06(sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt kể từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 14/9/2021.

- Căn cứ điểm c, g khoản 2 Điều 173; điểm b, r, s Khoản 1 Điều 51 BLHS; điểm g khoản 1 điều 52 BLHS:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh K 03(ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt kể từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 14/9/2021.

2. Các biện pháp tư pháp:

* Trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 48 BLHS:

- Buộc các bị cáo Nguyễn Minh K phải bồi thường cho ông Vũ Khắc L 2.400.000đồng, ông Trần Xuân Đ 60.000đồng

- Buộc các bị cáo Nguyễn Công L phải bồi thường cho ông Vũ Khắc L 59.513.000đồng, ông Trần Đăng N 3.000.000đồng ông Trần Xuân Đ 60.000đồng

* Vật chứng: Áp dụng điểm a, điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật TTHS, khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự.

- Chấp nhận việc Cơ quan Điều tra công an huyện M'Đrắk đã trả xe mô tô mang biểm kiểm soát 47M6-0250 cho bà Nguyễn Thị L; Trả 02 chiếc điện thoại di động hiệu OPPO Reno3 và Reno2, một ví da và 2 tờ đô la mỹ mệnh giá mỗi tờ 100USD cho vợ chồng ông Vũ Khắc L bà Lê Thị Xuân T.

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Minh K 01 điện thoại di động Vivo 1726 màu đen, 1 điện thoại di động NOKIA model TA-1203; trả lại cho bị cáo Nguyễn Công L 01 điện thoại di động hiệu Realme 6 theo biên bản giao nhận vật chứng ngày giữa Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện M'Đrắk và Chi cục thi hành án dân sự huyện M'Đrắk.

- Trả cho vợ chồng ông Vũ Khắc L, bà Lê Thị Xuân T 5.037.000 đồng, (gồm 2.800.000 đồng thu được của K, số tiền 237.000 đồng thu được của L và 2.000.000 đồng chị H' B Mlô tự nguyện giao nộp).

- Tiếp tục phong tỏa tài khoản 101244342 với số tiền 2.439.360 đồng của Nguyễn Công L để đảm bảo thi hành án.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật TTHS; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

- Bị cáo Nguyễn Công L phải chịu 200.000đồng tiền án phí Hình sự sơ thẩm và 3.128.500đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm (tổng cộng 3.328.500đồng).

- Bị cáo Nguyễn Minh K phải chịu 200.000đồng tiền án phí Hình sự sơ thẩm và 300.000đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm (tổng cộng 500.000 đồng).

4. Thông báo quyền kháng cáo:

Các bị cáo và đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án hình sự sơ thẩm trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án Hình sự sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Vụ GĐKT I TAND Tối cao;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- Sở tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện M'Đrắk;
- Chi cục THADS huyện M'Đrắk;
- CQĐT Công an huyện M'Đrắk;
- Cơ quan THAHS CA huyện M'Đrắk;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Bị cáo, đương sự;
- Văn phòng;
- Văn thư, kế toán;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Võ Đức Hợi